

Số: 189/2022/QĐST- KDTM

Đông Anh, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành theo việc dân sự thụ lý số 124/2022/TLST – VDS ngày 22/8/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ yêu cầu của đương sự là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **15** (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án nhận biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành và các tài liệu kèm theo, không có sự thay đổi ý kiến về các thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các bên:

Người yêu cầu:

1. Ngân hàng X.

Trụ sở chính: Số xx phố LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686xxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 29xx/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng X về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng:

Ông Trần Văn M - Phó giám đốc X – Chi nhánh ĐA (Theo Quyết định ủy quyền lại về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 55/QĐ-NHNo.ĐA-TH ngày 19/02/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA).

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963.

3. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1962

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1985.

2. Chị Nghiêm Thị M, sinh năm 1990.

3. Cháu Nguyễn Mai H1, sinh năm 2009.

4. Cháu Nguyễn Xuân T1, sinh năm 2014.

5. Cháu Nguyễn Xuân P, sinh năm 2017.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu H1, T1, P là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1985; Chị Nghiêm Thị M, sinh năm 1990; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các bên cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Xuân H vay vốn tại Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.03xxx ngày 16/7/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 24/6/2019, cụ thể như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng).

- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

- Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh gỗ.

- Phương thức áp dụng lãi suất: có điều chỉnh.

- Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ: theo từng giấy nhận nợ.

- Mức lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Ngày 24 tháng 06 năm 2019 X Chi nhánh ĐA và chúng tôi đã ký văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng với một số nội dung chính như sau :

- Sửa đổi: thời hạn trả lãi tiền vay;

- Điều chỉnh thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay của bà X, ông H tại Ngân hàng vợ chồng ông bà đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số xx, tờ bản đồ số x, diện tích 148 m² tại địa chỉ : Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BV 448848** do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 14/04/2015 đứng tên vợ chồng ông bà. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 11xx/2015/HĐTC ngày 20/05/2015 lập tại Văn phòng công chứng Trung Tâm. Giao dịch thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội Chi nhánh huyện Đông Anh ngày 22/5/2015. Khi thế chấp tài sản trên đất có nhà xưởng nhưng chưa đăng ký quyền sở hữu nên ông bà đã thống nhất là không định giá các tài sản gắn liền trên đất và xác định các tài sản trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng.

Thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201803xxx ngày 16/07/2018** X Chi nhánh ĐA-PGD LH đã nhiều lần giải ngân cho bà X, ông H đủ số tiền vay theo hạn mức thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do làm ăn khó khăn nên ông bà chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận dù đã được Ngân hàng tạo điều kiện ký phụ lục gia hạn thời gian trả nợ.

Các đương sự thống nhất xác định: Tính đến ngày 19/8/2022, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 3.602.532.430 đồng (Ba tỷ, sáu trăm linh hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi đồng) theo Hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201803xxx ngày 16/07/2018**, cụ thể:

- Số nợ gốc: 2.400.000.000 đồng.
- Số nợ lãi trong hạn: 387.961.643 đồng.
- Số nợ lãi quá hạn: 742.215.455 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 72.355.332 đồng.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền ông bà còn nợ Ngân hàng theo theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.03xxx ngày 16/7/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 24/6/2019, tính đến ngày 19/8/2022 là: 3.602.532.430 đồng (Ba tỷ, sáu trăm linh hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi đồng). Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H tiếp tục chịu nợ lãi kể từ ngày **19/8/2022** theo phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.03xxx ngày 16/7/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 24/6/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Mức lãi suất quá hạn mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng X theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Các bên thống nhất lộ trình trả nợ của số tiền trên cụ thể như sau:

- Trong các tháng từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2022 chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Chậm nhất ngày 25/12/2022, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Trong các tháng từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023 chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Chậm nhất ngày 25/6/2023, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Trong các tháng từ tháng 07 đến tháng 11 năm 2023 chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm

thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 25/12/2023, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Trong các tháng từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2024 chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Chậm nhất ngày 25/12/2024, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn lại tại Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.03xxx ngày 16/7/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 24/6/2019.

Nếu trong quá trình thực hiện trả nợ theo lộ trình trên mà bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H vi phạm lộ trình trả nợ tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số xx, tờ bản đồ số x, diện tích 148 m² tại địa chỉ: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BV 448848** do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 14/04/2015 đứng tên bà X, ông H. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 11xx/2015/HĐTC ngày 20/05/2015 lập tại văn phòng công chứng Trung Tâm.

Việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật

Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) các bên thống nhất bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H chịu toàn bộ. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên để bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Xuân H chịu lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Tòa án ông bà đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046xxx ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh